

Bản án số: 55/2018/HSST
Ngày: 27/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Vụ
2. Ông Đỗ Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Trường Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2018/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-HS ngày 10/09/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nông Đức M, sinh ngày: 05/9/1998 tại huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; giới tính: nam; HKTT: xóm CC, xã HT, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: nùng; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; con ông: Nông Việt G, sinh năm 1974; con bà: Sầm Thị N, sinh năm 1975; cùng HKTT: xóm CC, xã HT, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; anh chị em ruột: gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 12/6/2018; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Nông Đại L - sinh năm 1985;

TT: tổ H, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi liên quan:

- Nông Thị B (L);

TT: tổ H, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

- Nông Việt G - sinh năm 1974;

TT: xóm CC, xã HT, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; (có mặt tại phiên tòa).

4. Người làm chứng:

- Hoàng Đức H

TT: tổ MH, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (vắng mặt tại phiên tòa).

- Đặng Văn H

HKTT: PT, QT, HA, Cao Bằng;

Tạm trú: tổ MB, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/5/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận đơn trình báo của Nông Đại L (sinh năm 1985; HKTT: tổ H, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) về việc bị Nông Đức M (sinh năm 1998; HKTT: xóm CC, xã HT, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng) lừa bán xe máy, lấy đi 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Quá trình xác minh cơ quan Công an thu được kết quả như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/5/2018, Nông Đức M (sinh năm 1998; HKTT: xóm CC, xã HT, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng) gọi điện thoại cho Nông Thị B (tên gọi khác: L; sinh năm 1978; HKTT: tổ H, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) rao bán xe máy của M, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển kiểm soát 11H1-173.2H với giá 38.000.000 đồng (*ba mươi tám triệu đồng*). Sau đó, B gọi điện thoại cho Nông Đại L (sinh năm 1985; HKTT: tổ H, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) hỏi L có muốn mua xe máy của M không. L đồng ý và nhờ B hẹn M ngày 03/5/2018 đến hiệu cầm đồ CL (tổ H, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) để trao đổi việc mua bán xe. L có hỏi vay B 38.000.000 đồng (*ba mươi tám triệu đồng*), đồng thời nhờ B giúp làm thủ tục mua bán xe với M vì L không biết chữ.

Khoảng 15 giờ ngày 03/5/2018, M đi xe taxi đến hiệu cầm đồ CL gặp L và B. Qua trao đổi, M nói cho L và B biết việc hiện nay M đang cầm cố chiếc xe máy Yamaha Exciter của mình với Hoàng Đức H (sinh năm 1992; HKTT: tổ MH, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) với số tiền 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*), đề nghị L và B đưa cho M tiền mua xe trước để M đi chuộc xe máy với H về rồi mới viết giấy bán xe. B đồng ý và đưa cho M 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), còn 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) B sẽ đưa khi viết xong giấy mua bán xe.

Sau đó, L lấy xe máy của L chở M đến quán “Đệ nhất bún đậu” (tổ MB, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng). Đến nơi, M bảo L đợi ở ngoài, còn M đi vào trong quán gặp H. M trả cho H 36.100.000 đồng (*ba sáu triệu một trăm nghìn đồng*), rồi H điều khiển xe máy của mình, đèo M về nhà của H tại tổ MH, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để lấy xe máy Yamaha Exciter, biển kiểm soát 11H1-173.2H cùng giấy tờ và chìa khóa của xe trả lại cho M (lúc H đèo M đi lấy xe máy 11H1-173.2H M đã không gọi L đi theo, mà cứ để L chờ ngoài quán “Đệ nhất bún đậu”).

Sau khi nhận lại xe máy với H, M đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) nên không đến gặp L, B để giao xe và làm nốt thủ tục mua bán xe như đã thỏa thuận, mà điều khiển xe về nhà ông Nông Việt G (bố của M) tại xóm BV, xã BT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng, đồng thời tắt máy điện thoại, lấy 1.400.000 đồng (*một triệu bốn trăm nghìn đồng*) còn lại đem tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 05/5/2018, do thiếu tiền, M đem chiếc xe máy nói trên đi thế chấp vay 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) với Đặng Văn H (sinh năm 1993; HKTT: xóm PT, xã QT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng). Số tiền có được M đã chi tiêu hết cho bản thân.

Ngày 07/5/2018, M nhắn tin cho ông Nông Việt G về việc M đã đem xe máy đi cầm đồ với H nên ngày 08/5/2018 ông G đến gặp và trả cho H 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) gồm 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) tiền thế chấp xe máy và 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) M mượn H trước đó. Ông G lấy xe máy và giấy tờ vay tiền của M đem về cất tại nhà ở xóm BV, xã BT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Trong các ngày 21/5/2018, 29/5/2018 ông G tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra các tài sản gồm: 01 (một) xe máy Yamaha Exciter biển kiểm soát 11H1-173.2H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô mang tên Nông Đức M; 01 (một) giấy vay tiền ngày 07/5/2018 và 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) để trả lại cho B và L.

Ngày 15/6/2018 cơ quan điều tra đã trả lại cho Nông Đức M (chủ sở hữu tài sản) 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 11H1- 173.2H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ý xe mô tô mang tên Nông Đức M; trả lại cho Nông Thị B số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) vào ngày 18/6/2018 (theo như thỏa thuận giữa B và L).

Tại bản Cáo trạng số: 49/CT-VKSTP ngày 21/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Đức M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Nông Đức M thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình mà trực tiếp là bố bị cáo nộp lại số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra.

Lời khai của bị hại Nông Đại L, người có quyền lợi liên quan Nông Việt G tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo. Bị hại Nông Đại L xác nhận số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại và bà Nông Thị B (L) là người trực tiếp nhận số tiền trên theo như biên bản thỏa thuận giữa ông và bà B ngày 15/6/2018. Ông không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, ông đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi liên quan Nông Việt G xác nhận sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động đến gia đình mà trực tiếp là ông giao nộp số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tại cơ quan điều

tra để khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Việc giao nộp số tiền này do ông tự nguyện và ông không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại.

Lời khai tại cơ quan điều tra của người có quyền lợi liên quan Nông Thị B (L) hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi liên quan Nông Thị B (L) xác nhận đã nhận lại số tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Nông Đức M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Nông Đức M từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: số tiền bị chiếm đoạt đã được trả lại, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Tại phần tranh luận, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan Nông Việt G không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều khoản xét xử: tại cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung đơn trình báo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: ngày 03/5/2018 tại Hiệu cầm đồ CL (tổ H, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng), giữa Nông Đức M, Nông Thị B và Nông Đại L có thỏa thuận mua bán xe máy Yamaha Exciter, biển kiểm soát 11H1-173.2H. L nhất trí mua xe máy của M với giá 38.000.000 đồng (*ba mươi tám triệu đồng*). Nhưng vì xe máy của M đang được cầm với Hoàng Đức H nên M đề nghị L và B đưa trước tiền mua xe cho M để M đi lấy xe với H về rồi mới viết giấy mua bán xe. B và L đã đưa cho M 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu*

năm trăm nghìn đồng). Lợi dụng sự tin tưởng của B và L, sau khi lấy lại xe máy từ H, M đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nhận nên không đến gặp L và B để giao lại xe máy và viết giấy bán xe như thỏa thuận trước đó, mà điều khiển xe về nhà ông Nông Việt G tại xóm BV, xã BT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng và tắt máy điện thoại để tránh B gọi. Đến ngày 05/5/2018, do thiếu tiền M lại đem chiếc xe máy trên đi thế chấp vay để vay 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) với Đặng Văn H. Số tiền có được M đã sử dụng chi tiêu hết cho bản thân.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Trong vụ án này, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;”

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, bản thân bị cáo cũng như bố bị cáo đều xác nhận bị cáo là người không có nghề nghiệp. Sau khi học xong lớp 12 bị cáo thi trượt tốt nghiệp trung học phổ thông và ở nhà cho đến nay. Bản thân không có nghề nghiệp, không có tiền tiêu xài lại tham gia vào tệ nạn xã hội như chơi số lô, số đề dẫn đến việc bị cáo nhiều lần lấy tài sản là chiếc xe máy mang đi cầm tại các nơi cầm đồ. Trong vụ án này, sau khi lấy lại được chiếc xe máy đang cầm với Hoàng Đức H, bị cáo không lấy xe máy về cho người mua như đã thỏa thuận mà ngang nhiên mang về nhà bố bị cáo để sử dụng. Khi hết tiền tiêu xài bị cáo lại mang chính chiếc xe máy đó đi cầm với Đặng Văn H để có tiền sử dụng cho bản thân. Qua những hành vi đó của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo là đối tượng không có khả năng tự cải tạo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả cho bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt chính: căn cứ vào nhân thân của bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt bị cáo mức án tù từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại. Ngày 15/6/2018 bị hại Nông Đại L và người có quyền lợi liên quan Nông Thị B (L) có biên bản thỏa thuận về việc bà Nông Thị B (L) sẽ là người được trực tiếp nhận số tiền trên khi cơ quan điều tra trả lại. Bà Nông Thị B (L) đã được trả lại số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tại cơ quan điều tra theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/6/2018. Bị hại Nông Đại L không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi liên quan Nông Thị B (L) đã nhận lại số tiền, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét.

Người có quyền lợi liên quan Nông Việt G không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 11H1-173.2H, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Nông Đức M (chủ sở hữu tài sản) theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 15/6/2018 nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Nông Đức M phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nông Đức M 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ khi bị cáo đi trại thụ hình.

2. Về án phí: áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Nông Đức M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan Nông Việt G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan Nông Thị B (L) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thị hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai